

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG NGUYÊN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 62/2020/HS-ST

Ngày: 24/12/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đường và ông Nguyễn Văn Tường.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1, Phạm Trọng L, tên gọi khác: không; sinh ngày: 02 tháng 4 năm 1995, tại thị xã H, tỉnh T; nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường Đ, thị xã H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Quốc S ; con bà: Phạm Thị C ; vợ: Nguyễn Thị T; con: Có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Ngày 30/5/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh T xử phạt 06 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. (Bản án số 17/2013/HSST) – Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/02/2018; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/10/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 21 tháng tù về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Ngày 13/11/2018 bị cáo kháng cáo, ngày 08/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa án sơ thẩm xử phạt bị cáo 16 tháng tù về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” (Bản án số 02/2019/HSPT) – Đã chấp hành xong bản án; ngày 09/4/2018 bị

Công an phường B, thị xã L, tỉnh T xử phạt 750.000đ về hành vi đánh nhau, vi phạm trật tự nơi công cộng (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-XPHC), ngày 19/4/2018 đã nộp phạt xong. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2020 cho đến nay. Có mặt.

2, Đặng Tuấn Đ tên gọi khác: không; sinh ngày: 01 tháng 10 năm 1995, tại thành phố H, tỉnh T; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường Trần Phú, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Bá V; con bà: Hoàng Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/3/2013 bị Đại đội trưởng Đội Cảnh sát cơ động – PC 65 Công an tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 1.000.000đ về hành vi đánh bài ăn tiền (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 002156/QĐ-XPHC), ngày 28/3/2013 đã nộp phạt xong. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2020 cho đến nay. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1, Anh Lê Văn T ; sinh năm 1979; nơi cư trú: Khối 3, phường Hà Nam, thành phố H, tỉnh T. Vắng mặt.

2, Chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1999; nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện L, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 20/6/2020, Đặng Tuấn Đ sử dụng số thuê bao 0862071933 gọi điện cho Phạm Trọng L có số thuê bao 0973131012 và nói với L: “Có lấy được ke thì lấy cho ít” (Ý là có ma túy ketamine không thì lấy cho Đ một ít để sử dụng). Hiểu ý Đ, L nói: “Để tau coi đã”. Sau đó L sử dụng số thuê bao 0943690777 gọi điện thoại cho một người bạn tên C ở huyện N, tỉnh A có số thuê bao 0963376456. L nói với C : “Có ke không lấy cho một ít” (Ý là có ma túy ketamine không thì lấy cho L một ít). Hiểu ý L, C nói: “Để tui hỏi cho cây đã”. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, C gọi điện thoại cho L nói L đi ra mà lấy ma túy. Khoảng 21 giờ đến 22 giờ cùng ngày, Đ gọi điện cho L và hỏi: “Răng rồi”. L trả lời: “Có rồi, xuống Lộc Hà ta đi”. Sau đó, Đ đi xuống gặp L ở ngã tư C, huyện L, tỉnh T. Tại đây, Đ gọi điện cho

anh Lê Văn T (Là lái xe taxi của hãng xe Lam Hồng) đến chở Đ và L. Một lúc sau, anh Trung điều khiển xe ô tô BKS 38A - 122.79 đến đón Đ và L ở xã T, huyện H, tỉnh T. Khi lên xe, Đ ngồi ghế sau phía bên lái, còn L ngồi bên phải Đ. L nói với anh Trung chở sang thành phố Vinh. Khi xe đi qua cầu Bến Thủy 1 thuộc địa phận thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thì bị L lượng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Nghệ An yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Sau khi kiểm tra xe ô tô và người ngồi trên xe, không phát hiện gì nên cho xe tiếp tục đi. Trên đường đi L gọi điện cho C để hỏi địa điểm nơi gặp C. Sau khi nghe điện thoại, L lại hướng dẫn chỉ đường cho lái xe taxi đi. Khi xe đi từ đường tránh Vinh vào đường 72m được khoảng 500m thấy C đứng bên đường, L nói lái xe dừng lại. Sau đó, L và Đ xuống xe, còn anh T tắt máy ngồi trên xe chờ. Xuống xe, C đưa L và Đ đi lại cột điện gần đó lấy 01 gói ma túy được bọc ngoài bằng bao ni lông màu trắng đưa cho L và nói: “Cứ cầm về đã rồi tính sau” (Ý là cứ cầm ma túy về còn tiền tính sau). Hiểu ý C nên L cầm gói ma túy bỏ vào túi quần phía trước bên trái của L và lên xe taxi đi về. Khi xe đi đến trạm thu phí cầu Bến Thủy 2, thuộc địa phận xóm 6, xã H, huyện N, tỉnh A thì bị L lượng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Nghệ An kiểm tra. Thấy L lượng Cảnh sát cơ động L xé gói ma túy dạng ketamine ra và đổ lên mặt sàn xe phía trước chân L. Qua kiểm tra, L lượng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh A đã phát hiện và thu giữ: Trên mặt sàn xe ô tô BKS 38A - 122.79 có 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng bao ni lông màu trắng được xé đứt phần đầu bao, bên trong có chứa chất bột màu trắng và một số chất bột màu trắng rơi trên mặt sàn xe ô tô (Nghĩ là ma túy dạng ketamine); 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen có số thuê bao 0862071933 của Đặng Tuấn Đ; thu của Phạm Trọng L: 01 chiếc điện thoại di động Nokia 208 màu đen có số thuê bao 0943690777; 01 chiếc điện thoại di động Samsung Glaxy As Star màu trắng có số thuê bao 0982096630; 01 chiếc điện thoại di động Oppo A11X màu xanh có số thuê bao 0973131012. (Lúc này là 02 giờ 40 phút ngày 21/6/2020).

Ngày 21/6/2020, Cơ quan điều tra đã thành lập hội đồng mở niêm phong cân xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong lại số chất bột màu trắng thu giữ của Phạm Trọng L và Đặng Tuấn Đ. Sau khi loại bỏ bao bì, kết quả cân xác định khối lượng chất bột màu trắng có trộn lẫn một số tạp chất màu đen, nâu còn lại trong gói M01 là 2,360 gam; khối lượng chất bột màu trắng có trộn lẫn một số tạp chất màu đen, nâu còn lại trong gói M02 là 9,120 gam.

Tại Kết luận giám định số 4051/C09- TT2 ngày 29/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công An kết luận: 02 mẫu “Chất bột màu trắng, lẫn tạp chất màu đen” ký hiệu M01 và M02 gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Hàm lượng Ketamine trong mẫu M01 và M02 lần lượt là 71,9% và 52,0%.

Như vậy, gói M01 có khối lượng ma túy loại Ketamine là 1,69 gam; gói M02 có khối lượng ma túy loại Ketamine là 4,74 gam. Tổng khối lượng ma túy loại Ketamine thu giữ của Phạm Trọng L, Đặng Tuấn Đ là 6,43 gam.

Cáo trạng số 60/CT-VKS-HS ngày 12/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Phạm Trọng L về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố Đặng Tuấn Đ về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Tuấn Đ đã khai nhận hành vi mà bị cáo và Phạm Trọng L thực hiện từ ngày 20/6/2020 đến ngày 21/6/2020 giống như nội dung bản cáo trạng và nội dung vụ án như đã nêu trên. Riêng bị cáo Phạm Trọng L không nhận tội.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đặng Tuấn Đ. Giữ nguyên truy tố về tội danh, thay đổi khoản của điều luật truy tố đối với bị cáo Phạm Trọng L (từ truy tố bị cáo L theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự sang điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự) và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Trọng L, Đặng Tuấn Đ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Trọng L từ 24 đến 27 tháng tù. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Tuấn Đ từ 15 đến 18 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì thư đã được niêm phong bên trong có chất bột màu trắng được giám định là chất ma túy; tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen có số thuê bao 0862071933 của Đặng Tuấn Đ, 01 chiếc điện thoại di động Nokia 208 màu đen có số thuê bao 0943690777 và 01 chiếc điện

thoại di động Oppo A11X màu xanh có số thuê bao 0973131012 của Phạm Trọng L. Trả lại cho: Bị cáo Phạm Trọng L: 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy AS Star màu trắng có số thuê bao 0982096630.

Bị cáo Đặng Tuấn Đ và bị cáo Phạm Trọng L không có ý kiến gì tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phạm Trọng L không nhận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan CSĐT Công an huyện Hưng Nguyên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên; Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. *Về chứng cứ xác định tội danh:*

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đặng Tuấn Đ khai nhận hành vi mà bị cáo và bị cáo L thực hiện giống như nội dung bản cáo trạng và nội dung vụ án đã nêu trên.

Riêng bị cáo Phạm Trọng L không nhận tội và khai rằng: Vào khoảng 23 giờ ngày 21/6/2020 khi bị cáo cùng vợ bị cáo tên là Nguyễn Thị T đang đi ăn đêm thì nhận được điện thoại của bị cáo Đ rủ đi huyện Đ, tỉnh A chơi. Bị cáo nói bị cáo Đ xuống quán cháo canh ở ngã 4 xã C, huyện H, tỉnh T. Sau khi Đ đến L và Đ đã đi taxi đi đến chỗ đường 72m (đường tránh Vinh) để gặp C. Khi gặp C tại đường 72 m (Đường tránh Vinh) thì C lấy bên mép đường một bì thư đưa cho Đ. Khi L lượng CSCĐ kiểm tra phát hiện dưới chân bị cáo (dưới sàn xe ô tô) có 01 gói màu trắng và bột rơi trên sàn xe. Bị cáo không biết gói màu trắng và bột trên sàn xe là của ai. Việc bị cáo nhận gói ma túy đó là của mình là do bị mấy anh Cảnh sát cơ động đưa

bị cáo sang mép đường chân cầu Bến Thủy 2 đánh đập bắt bị cáo nhận đó là ma túy nên bị cáo buộc phải nhận. Việc đánh đập có sự chứng kiến của bị cáo Đặng Tuấn Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai tại phiên tòa hôm nay của bị cáo L mâu thuẫn chính với lời khai của bị cáo tại các bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 21/6/2020; bản tự khai và biên bản hỏi cung ngày 30/6/2020. Mâu thuẫn với lời khai của bị cáo Đặng Tuấn Đ, lời khai của người làm chứng anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị Trà Giang. Mặt khác, việc bị cáo L khai bị các đồng chí Cảnh sát cơ động đánh đập bắt nhận tội có sự chứng kiến của bị cáo Đặng Tuấn Đ, đã bị bị cáo Đặng Tuấn Đ bác bỏ. Lời khai của bị cáo L tại phiên tòa hôm nay là không có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại bản tự khai ngày 21/6/2020, ngày 30/6/2020; biên bản ghi lời khai ngày 21/6/2020 tại trụ sở phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Nghệ An; biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2020 và biên bản hỏi cung ngày 30/6/2020 tại Công an huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thì thấy: Lời khai này phù hợp với kết quả trả lời các công văn phúc đáp lệnh thu giữ thư tín, điện tín (Về thông tin chủ thuê bao, bảng kê chi tiết các cuộc gọi đi, gọi đến từ số điện thoại mà C, bị cáo L và bị cáo Đ sử dụng), phù hợp với khai của bị cáo Đặng Tuấn Đ, phù hợp với lời khai của người làm chứng anh Lê Văn Trung, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồ 02 giờ 40 phút ngày 21/6/2020, phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, các lời khai nhận tội này của bị cáo L là hoàn toàn có cơ sở.

Có đủ căn cứ để khẳng định: Vào lúc 02 giờ 40 phút ngày 21/6/2020 tại địa phận xóm 6, xã H, huyện N, tỉnh A, tổ công tác phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Nghệ An bắt quả tang bị cáo Phạm Trọng L và bị cáo Đặng Tuấn Đ có hành vi tàng trữ 01 ít chất bột màu trắng (Được thu giữ trong bao ni lông màu trắng bao bị xé đứt phần đầu bao và trên mặt sàn xe ô tô Taxi ngay dưới chân chỗ ngồi của bị cáo L).

Theo bản kết luận giám định số 4051/C09- TT2 ngày 29/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công An thì: 02 mẫu “Chất bột màu trắng, lẫn tạp chất màu đen” ký hiệu M01 và M02 gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Hàm lượng Ketamine trong mẫu M01 và M02 lần lượt là 71,9% và 52,0%.

Do gói thứ nhất có trộn lẫn tạp chất màu đen (ký hiệu M1) có khối lượng là 2,360 gam nên khối lượng ma túy loại Ketamine là: 1,69 gam; gói thứ hai có trộn lẫn tạp chất màu đen (ký hiệu M2) có khối lượng là 9,120 gam nên khối lượng ma túy loại Ketamine là: 4,74 gam. Như vậy, tổng khối lượng ma túy loại Ketamine thu giữ của bị cáo L và bị cáo Đ là: 6,43 gam.

Các bị cáo Phạm Trọng L và Đặng Tuấn Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nên hành vi tàng trữ 6,43 gam Ketamine với mục đích sử dụng của các bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Xét việc thay đổi truy tố đối với bị cáo Phạm Trọng L (Từ truy tố bị cáo theo điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS sang truy tố bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 249 BLHS) của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay thì thấy:

Ngày 30/3/2013 bị cáo L bị TAND thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 06 (Sáu) năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Bản án số 17/2013/HSST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/02/2018.

Ngày 31/10/2018 bị cáo L bị TAND thành phố H, tỉnh T xử phạt 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngày 13/11/2018 bị cáo kháng cáo, ngày 08/01/2019 TAND tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm xử phạt bị cáo 16 tháng tù (Bản án số 02/2019/HSPT). Ngày 22/01/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xem xét lần phạm tội của bị cáo vào năm 2018 có thuộc trường hợp tái phạm hay tái phạm nguy hiểm hay không thì thấy: Năm 2013 bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích thì ngày 10/5/2018 bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội và ngày 31/10/2018 bị TAND thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm; ngày 08/01/2019 bị TAND tỉnh Hà Tĩnh xử phúc thẩm bị cáo về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, do tội mà bị cáo bị TAND thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm và TAND tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm chỉ là tội phạm nghiêm

trọng do vô ý. Nên lần phạm tội của bị cáo vào năm 2018 không thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xét lần phạm tội này của bị cáo có thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm hay không thì thấy: Mặc dù, năm 2013 bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích thì đến tháng 6/2020 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do tội phạm lần này mà bị cáo thực hiện chỉ là tội phạm nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo cũng không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự thì người bị kết án về tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng do vô ý thì không bị coi là án tích. Nên việc bị cáo L phạm tội và bị TAND tỉnh Hà Tĩnh xử năm 2019 về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 không coi là có án tích. Nên không xem xét để tính tái phạm, tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo.

Như vậy, bị cáo Phạm Trọng L không phải chịu tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên thay đổi truy tố bị cáo Phạm Trọng L để đảm bảo việc truy tố, xét xử được đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 325 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

Có đầy đủ cơ sở để khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Phạm Trọng L và Đặng Tuấn Đ về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:*

Vụ án trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội và chế độ quản lý đặc biệt đối với việc tàng trữ chất ma túy. Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng không chịu cai nghiện và tu dưỡng bản thân mà lại lao vào con đường phạm tội. Hành vi tàng trữ 6,43 gam ma túy (Ketamine), của các bị cáo nhằm mục đích sử dụng là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường

pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. *Đánh giá vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:*

Vai trò thứ nhất trong vụ án thuộc về bị cáo Phạm Trọng L. Bị cáo là thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực và là người trực tiếp giao dịch để mua 6,43 gam ma túy (Ketamine) để sử dụng.

Vai trò thứ hai cũng là vai trò cuối cùng trong vụ án thuộc về bị cáo Đặng Tuấn Đ. Bị cáo là người chủ động liên lạc với bị cáo L để trao đổi về việc mua ma túy và cùng bị cáo L đi mua 6,43 gam ma túy (Ketamine) để sử dụng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Phạm Trọng L do năm 2013 đã bị kết án tại bản án số 17/2013/HSST của TAND thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý. Bị cáo chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Nên bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đặng Tuấn Đ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bỏ của các bị cáo L và Đ đều được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba. Nên bị cáo Đ sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, căn cứ vào vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục và cải tạo bị cáo. Mức án mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa hôm nay là phù hợp và nghiêm minh nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, không có tài sản nào có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (là hình phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8]. *Về vật chứng vụ án:* Gồm:

- 01 gói chất bột màu trắng thu giữ của Phạm Trọng L và Đặng Tuấn Đ được bỏ vào phong bì thư của Công an huyện Hưng Nguyên, niêm phong theo đúng quy định của pháp luật;

- Mẫu vật hoàn trả sau khi giám định đã được bỏ vào phong bì thư, niêm phong theo đúng quy định của pháp luật;

- 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0862071933;

- 01 chiếc điện thoại di động Nokia 208 màu đen (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0943690777;

- 01 chiếc điện thoại di động Samsung Glaxy AS Star màu trắng (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0982096630; 01 chiếc điện thoại di động Oppo A11X màu xanh (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0973131012 được bỏ vào phong bì thư bưu điện.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hai phong bì thư niêm phong dán kín bên trong là chất bột màu trắng được giám định là Ketamine. Đây là vật chứng bị Nhà nước cấm tàng trữ trái phép nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0862071933 là của Đặng Tuấn Đ. 01 chiếc điện thoại di động Nokia 208 màu đen (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0943690777 và chiếc điện thoại di động Oppo A11X màu xanh (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0973131012 được bỏ vào phong bì thư bưu điện là của Phạm Trọng L. Đây là những chiếc điện thoại và số thuê bao mà các bị cáo Đ và L đã sử dụng liên lạc với nhau, liên lạc với người bán ma túy để trao đổi, giao dịch mua bán ma túy. Nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chiếc điện thoại di động Samsung Glaxy AS Star màu trắng (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0982096630 là của Phạm Trọng L do không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo L theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9]. Đối với người bán ma túy cho các bị cáo (bị cáo L khai tên là Chung ở huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An). Cơ quan CSĐT Công an huyện Hưng

Nguyên, tỉnh Nghệ An đã tiến hành điều tra nhưng không xác định được người này nên không có căn cứ để xử lý.

[10]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Phạm Trọng L phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trọng L 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 21/6/2020.

2. Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Đặng Tuấn Đ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Tuấn Đ 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 21/6/2020.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ Một phong bì thư của Công an huyện Hưng Nguyên được niêm phong theo đúng quy định, mặt trước phong bì có ghi hàng chữ viết “Gói niêm phong vật chứng thu giữ của Phạm Trọng L (1994), trú tại tổ 5, phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh và Đặng Tuấn Đ (1995), trú tại tổ 3, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh vào ngày 21/6/2020, tại xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Sau khi mở niêm phong cân xác định trọng lượng lấy mẫu gửi đi giám định và niêm phong lại”.

+ Một phong bì thư mẫu vật hoàn trả sau giám định được niêm phong đúng quy định số 4051/C09 (TT02) của Viện khoa học hình sự Bộ Công an bên trong gồm có: mẫu ký hiệu M01: 2,261 gam mẫu; mẫu ký hiệu M02: 9,012 gam mẫu; vỏ bao gói.

- Tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0862071933 của Đặng Tuấn Đ;

+ 01 chiếc điện thoại di động Nokia 208 màu đen (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0943690777 và 01 chiếc điện thoại di động Oppo A11X màu xanh (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0973131012 được bỏ vào phong bì thư bưu điện có ghi hàng chữ viết: “Gói niêm phong vật chứng chiếc điện thoại thu giữ của Phạm Trọng L sinh năm 1994, trú tại tổ 5, phường Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 21.6/2020).

- Trả lại cho: Bị cáo Phạm Trọng L: 01 chiếc điện thoại di động Samsung Glaxy AS Star màu trắng (đã qua sử dụng) có số thuê bao 0982096630 được bỏ vào phong bì thư bưu điện có ghi hàng chữ viết: “Gói niêm phong vật chứng chiếc điện thoại thu giữ của Phạm Trọng L sinh năm 1994, trú tại tổ 5, phường Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 21.6/2020).

(Đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/11/2020 giữa Công an huyện Hưng Nguyên và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc các bị cáo Phạm Trọng L và bị cáo Đặng Tuấn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. /.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- Công an huyện Hưng Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Hưng Nguyên;
- Bị cáo;
- TAND tỉnh NA;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thanh

